

Bản án số:16/2020/ HS-ST

Ngày 20-02-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châm Thị Vân Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hợi và ông Hoàng Văn Đích

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Vũ - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2020/TLST-HS, ngày 03 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:11/2020/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Đình T (Tên gọi khác là Nguyễn Đình T), sinh ngày: 08/01/1987 tại huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ 13, phường H, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn H, sinh năm: 1956 và bà: Nguyễn Thị K, sinh năm: 1963; vợ, con: Chưa có;

Tiền án: Có 01 tiền án,

- Tại bản án hình sự số 22/HSST ngày 23/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt Nguyễn Đình T 08 tháng tù; về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tiền sự: Không có.

Nhân thân: - Tại bản án hình sự số 136/HSST ngày 05/9/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt Nguyễn Đình T 42 tháng tù về tội “*Phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia*”.

- Tại bản án hình sự số 49/HSST ngày 23/12/2008 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xử phạt 28 tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/9/2019 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

- **Bị hại:** Bà Nguyễn Thị S - Sinh năm: 1954 (Có mặt);

Địa chỉ: Phố Ch, xã K, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1997 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 13, phường H, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- **Người làm chứng:**

1. Anh Phạm Quang B - Sinh ngày 16/8/1989;

Địa chỉ: C, xã K, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

2. Anh Nguyễn Văn H - Sinh ngày 20/4/1984;

Địa chỉ: N, thị trấn H, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Đình T là đối tượng không có nghề nghiệp ổn định, do không có tiền tiêu xài cá nhân, nên bị cáo T đã nảy sinh ý định mua thẻ cào điện thoại của nhà mạng di động VIETTEL về cào lớp giấy bạc để nhập mã số vào tài khoản Game để chơi điện tử, rồi dùng những thẻ cào đã nạp này đến các quầy bán thẻ điện thoại để lừa đánh tráo lấy những thẻ cào chưa được nạp rồi đem bán lấy tiền. Để thực hiện ý định trên, tối ngày 26/9/2019, T mua 05 chiếc thẻ cào điện thoại di động của nhà mạng VIETTEL và đã nạp hết cả 05 thẻ cào này vào tài khoản game. Khi nạp thẻ thì T dùng lưỡi dao lam cạy lớp giấy bạc che phần mã số thẻ đủ để nhìn thấy mã số rồi lại đè lớp giấy bạc lại nhằm tránh bị phát hiện. Đến khoảng 14 giờ 30 phút ngày 27/9/2019, sau khi chơi điện tử tại khu vực thành phố Thái Nguyên xong thì T mang theo 05 chiếc thẻ cào đã sử dụng ra đường bắt xe Taxi đi cùng một người thanh niên có tên thường gọi là “Cu” (không rõ tên tuổi, địa chỉ); đi từ hướng thành phố Thái Nguyên theo Quốc lộ 37 đến huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên, để tìm cửa hàng nào bán thẻ điện thoại mà chủ quán là người già, bán hàng một mình sẽ vào để lừa mua thẻ điện thoại và đánh tráo. Khi xe đến địa phận thuộc xóm K, xã K, huyện Phú Bình thì T bảo tài xế dừng lại và T đi vào quán bán hàng tạp hóa của bà Nguyễn Thị S hỏi mua một chai nước và đưa 10.000 đồng (*Mười nghìn đồng*) cho bà S nhưng do không có tiền trả lại nên bà S đã lấy thêm kẹo đưa cho T. Tiếp đó, T hỏi mua 05 thẻ cào điện thoại di động của nhà mạng Viettel, loại mệnh giá 100.000 đồng/một thẻ. Lúc này, bà S lấy 05 thẻ cào điện thoại đưa cho T thì T lấy số tiền 420.000 đồng (*Bốn trăm hai mươi nghìn đồng*) từ trong túi quần bằng nhiều mệnh giá khác nhau đưa cho bà S. Bà S đếm thấy thiếu tiền đã bảo T và hai người cùng nhau đếm lại. Lợi dụng trong lúc bà S không để ý, T cắt số thẻ mà bà S đưa rồi lấy từ túi quần phía trước bên trái ra 05 thẻ cào T đã chuẩn bị từ trước ra để đánh tráo.

T đưa số thẻ cào đem theo từ trước vừa đánh tráo đưa cho bà S, lấy lại số tiền và nói dối sẽ ra xe lấy thêm tiền trả cho bà S. Sau khi ra đến chỗ xe taxi đỗ, T lên xe và bảo lái xe bỏ đi.

Sau khi T bỏ đi, bà S kiểm tra lại 05 chiếc thẻ cào điện thoại thì phát hiện cả 05 thẻ điện thoại đã bị cào nên đã chạy theo gọi T quay lại nhưng không kịp, phát hiện thấy bà S đang vẫy tay, nghĩ rằng hành vi của mình đã bị phát hiện nên khi đi được khoảng 01 km T đã vứt 05 thẻ cào điện thoại chiếm đoạt được của bà S xuống rìa đường. Cùng lúc này, bà S nhờ anh Nguyễn Văn H đuổi theo T. Anh H đuổi theo đến khu vực xóm S, xã K, huyện Phú Bình thì đuổi kịp và yêu cầu T quay lại quán của bà S và T đã thừa nhận đã dùng các thẻ cào điện thoại qua sử dụng này để lừa mua thẻ và đánh tráo thẻ của bà S. Lúc này, anh H cùng với anh Phạm Quang B (là con trai của bà S) đưa T quay lại vị trí T vứt 05 thẻ cào và thu giữ được 05 thẻ cào này đồng thời đưa T đến Công an xã K trình báo. Cùng ngày, công an xã K đã chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Phú Bình để điều tra theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 67/KL-ĐG ngày 15/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Phú Bình kết luận: 05 thẻ cào điện thoại Viettel mệnh giá 100.000đ/1 thẻ có giá trị 500.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Đình T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên.

Vật chứng của vụ án: 01 ví màu nâu, 01 thẻ ATM trên thẻ có in chữ NGUYEN MANH TUONG, 05 thẻ cào điện thoại di động của nhà mạng Viettel mệnh giá 100.000đ/thẻ đã qua sử dụng, 05 thẻ cào điện thoại di động của nhà mạng Viettel mệnh giá 100.000đ/thẻ chưa qua sử dụng và số tiền 520.000đ.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là bà Nguyễn Thị S yêu cầu nhận lại 05 thẻ cào mà bị cáo đã chiếm đoạt, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh T yêu cầu nhận lại 01 thẻ ATM ngoài ra không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Tại Bản cáo trạng số 18/CT-VKSPB, ngày 02/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Nguyễn Đình T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 174 của BLHS.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đình T khai nhận rõ hành vi phạm tội như lời khai tại cơ quan điều tra và bản cáo trạng mô tả. Bị cáo thừa nhận việc truy tố, xét xử là đúng người, đúng tội, không oan. Bị hại là bà S xác định lời khai của bị cáo tại phiên tòa là chính xác và xin được nhận lại 05 chiếc thẻ cào, về trách nhiệm hình sự đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh T xin được nhận lại 01 thẻ ATM.

Tại phiên tòa, trong phần luận tội Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình giữ nguyên bản Cáo trạng số 18/CT-VKSPB, ngày 02/01/2020, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình T (tên gọi khác: Nguyễn Đình T) phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản":

- Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Đình T từ 12 đến 15

tháng tù; miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo; về trách nhiệm dân sự: Không xem xét. Về vật chứng vụ án: trả lại cho bị cáo 01 ví màu nâu, trả lại cho bà Nguyễn Thị S 05 thẻ cào điện thoại di động của nhà mạng Viettel mệnh giá 100.000đ/ thẻ, trả lại anh Nguyễn Mạnh T 01 thẻ ATM, số tiền 520.000đ của bị cáo cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án, tịch thu tiêu hủy 05 thẻ cào điện thoại di động của nhà mạng Viettel mệnh giá 100.000đ/ thẻ . đã qua sử dụng. Bị cáo phải chịu án phí và được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật

Trong phần tranh luận bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai và xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký, Kiểm sát viên tiến hành tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra về thời gian, địa điểm, quá trình thực hiện hành vi phạm tội. Phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng. Phù hợp với kết luận định giá và các chứng cứ, tài liệu khác được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 14h30 phút ngày 27/9/2019, tại cửa hàng tạp hóa của bà Nguyễn Thị S thuộc xóm K, xã K, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên, bị cáo Nguyễn Đình T người đã có 01 tiền án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đã có hành vi gian dối nhằm mục đích chiếm đoạt 05 chiếc thẻ cào điện thoại của bà Nguyễn Thị S. Theo Kết luận định giá, giá trị 5 thẻ cào là 500.000 đồng. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Bản Cáo trạng số 18/CT-VKSPB, ngày 02/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình truy tố Nguyễn Đình T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 174 Bộ Luật hình sự là có căn cứ..

Nội dung điều luật quy định như sau:

“ Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

b. Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168,169, 170, 171, 172,173,175 và 290 của Bộ luật này chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;...”

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ và bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi với lỗi cố ý, làm mất trật tự an toàn xã hội, bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình.

Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo có nhân thân xấu và có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho mình để cải tạo thành người công dân có ích cho xã hội mà chỉ vì ham chơi, lười lao động bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Tuy nhiên bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ tội phạm do bị cáo thực hiện, sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân đối với bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng cần phải có mức án nghiêm khắc cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của BLHS năm 2015 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, sống phụ thuộc gia đình nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về áp dụng biện pháp ngăn chặn: cần áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự; Quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Đình T 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Số tài sản gồm 05 thẻ nạp điện thoại mạng Viettel bị cáo chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị S đã được thu hồi lại đầy đủ để xử lý theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa bà S chỉ yêu cầu xin lại 05 thẻ nạp điện thoại đã bị chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo bồi thường một khoản thiệt hại phát sinh nào khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng: Đối với 05 chiếc thẻ cào điện thoại của nhà mạng Viettel mà bị cáo chiếm đoạt được của bà S cần trả lại cho bà S, 01 thẻ ATM trên thân thẻ có in chữ NGUYEN MANH TUONG là của anh T là em trai bị cáo, anh T có yêu cầu được nhận để sử dụng nên cần trả lại cho anh T quản lý, sử dụng. Đối với 01 ví màu nâu thu giữ là của bị cáo xét thấy không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho bị cáo quản lý sử dụng. Đối với số tiền 520.000đ là của bị cáo T cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án, 05 chiếc thẻ điện thoại mạng Viettel đã qua sử dụng không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[10] Các vấn đề khác: Trong vụ án này có nam thanh niên tên "Cu" và người lái xe Taxi đưa bị cáo xuống địa bàn huyện Phú Bình để thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, quá trình điều tra không xác định được lý lịch, địa chỉ của những người này, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Bình không có căn cứ để xem xét xử lý.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với bị cáo tại phiên tòa là phù hợp cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 174; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình T (Tên gọi khác: Nguyễn Đình T) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Xử phạt Nguyễn Đình T 01(Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam bị cáo 28/9/2019.

2/Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Đình T 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

3/Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

4/Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, xử lý vật chứng vụ án như sau:

- Tịch thu tiêu hủy 05 (Năm) thẻ cào điện thoại di động của mạng VIETTEL, mệnh giá 100.000 đồng/thẻ, có số seri lần lượt là: 10004121404644; 10004121404645; 10004121404647; 10004121404648; 10004121404649, được niêm phong trong một phong bì ký hiệu M1;

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị S 05 (Năm) thẻ cào điện thoại di động của nhà mạng VIETTEL, mệnh giá 100.000 đồng/thẻ, có số seri lần lượt là: 10003928944761; 10003928944762; 10003928944763; 10003928944766; 10003928944767, được niêm phong trong một phong bì ký hiệu M2.

- Trả lại cho bị cáo 01 (một) ví màu nâu được niêm phong trong một phong bì ký hiệu B1.

- Trả lại anh Nguyễn Mạnh T 01 (một) thẻ ATM, trên thân thẻ có in chữ “NGUYEN MANH TUONG” được niêm phong trong một phong bì ký hiệu B1.

- Tạm giữ số tiền 520.000 đồng (Năm trăm hai mươi nghìn đồng) của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Phú Bình và Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Bình ngày 09/01/2020 số tiền 520.000đ theo Ủy nhiệm chi số 5 ngày 08/01/2020 giữa Công an huyện Phú Bình với Kho bạc Nhà nước huyện Phú Bình).

5/Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí. Buộc bị cáo Nguyễn Đình T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

6/Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Phú Bình;
- VKSND huyện Phú Bình;
- Công an huyện Phú Bình;
- THADS huyện Phú Bình;
- THA phạt tù;
- Bị cáo, Bị hại, NLQ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châm Thị Vân Khánh